

Số: 15/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T2 Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Đinh Cao T1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Đ: Khu Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Hồng N1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1 Phú Thọ

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đinh Cao T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Đinh Cao T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Minh N2, sinh ngày 18/8/2018, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18

tuổi). Chị Nguyễn Thị Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung anh T1 vì anh T1 tự nguyện không yêu cầu.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh T1 cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đinh Cao T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N anh T1 vì chị N anh T1 là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí.

Hoàn trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000236 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6- Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Yên Lập, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Phan Thị Hải